

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 12-5 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

Ông Phan Tấn Lâm

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Nam Á; Địa chỉ: số 201- 203 Cánh Màng Tháng 8, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc A – chức vụ: Chủ tịch hội đồng Hội đồng quản trị; Ủy quyền cho Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Nam Á (Công ty AMC- Nam A Bank) do ông Hoàng Trọng B – chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty AMC kiêm Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện; Ông Hoàng Trọng B ủy quyền cho Ông Nguyễn Quốc C - chức vụ: chuyên viên xử lý nợ tham gia tố tụng (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1982; bà Đỗ Thị E, sinh năm 1995; *Địa chỉ:* Thôn BX, xã ĐỖ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2020, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Nam Á là ông Nguyễn Quốc Khánh trình bày:

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E đã ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần số: 2566/2019/701-CV để vay tiền của Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Bình Phước cụ thể như sau:

Số tiền vay: 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 11.6 %/năm, lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng/lần, mục đích vay là để bổ sung vốn trồng trọt và chăn nuôi bò. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất tại thửa số 388, tờ bản đồ số 49, với diện tích là 11.705,6 m², tọa lạc tại Thôn 6, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Chủ sở hữu sử dụng tài sản là ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 044722 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS 02359/CNTT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 09 tháng 09 năm 2016.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông D và bà E chỉ mới đóng tiền lãi cho Ngân hàng được 4.434.621 đồng tính từ ngày vay cho đến ngày 21 tháng 10 năm 2019 thì ngưng cho đến nay, còn tiền gốc thì ông D, bà E chưa đóng được một khoản tiền nào, mặc dù đại diện Ngân hàng đã đi đòi nợ nhiều lần.

Vì vậy nay tại tòa, đại diện Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu đối với người bị kiện như sau:

Buộc ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Nam Á toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký, tổng dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 12 tháng 5 năm 2021 là: 993.914.223 đồng, trong đó: Nợ gốc là 800.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 93.724.283 đồng; Nợ lãi quá hạn là 90.458.630 đồng; Nợ lãi chậm trả là 9.731.310 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất tại thửa số 388, tờ bản đồ số 49, với diện tích là 11.705,6 m², tọa lạc tại thôn 6, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 09 tháng 9 năm 2016 cho ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 044722 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS 02359/CNTT để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng chiết khấu hồi phiếu cũng như quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 01 năm 2021 có nội dung như sau:

Vợ chồng tôi có vay của ngân hàng TMCP Nam Á với số tiền gốc là 800.000.000 đồng và có làm hợp đồng tín dụng. Quá trình vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11,3%/tháng; Quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn; Thời hạn vay là 12 tháng; Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn trồng trọt chăn nuôi. Khi vay

thì vợ chồng tôi có thể chấp cho ngân hàng 01 Quyền sử dụng đất tại thửa số 388, tờ bản đồ số 49, với diện tích là 11.705,6 m², tọa lạc tại thôn 6, xã ĐỖ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 09 tháng 9 năm 2016 cho ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 044722 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS 02359/CNTT. Từ khi vay cho đến nay vợ chồng tôi chưa trả cho ngân hàng được khoản tiền vay gốc nào, còn tiền lãi chúng tôi đã đóng được 01 tháng thì ngưng cho đến nay vì hoàn cảnh khó khăn. Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng tôi về khoản nợ này thì chúng tôi đồng ý trả nợ với số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Nam Á. Buộc bị đơn ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E phải trả cho Ngân hàng TMCP Nam Á số tiền gốc còn nợ là 800.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” do nguyên đơn Ngân hàng TMCP Nam Á khởi kiện. Bị đơn là ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E có địa chỉ cư trú tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt:* Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định tại Điều 177 nhưng ông, bà vẫn vắng mà không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn nêu trên theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] *Về tiền nợ gốc:*

Mặc dù trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E vắng mặt. Tuy nhiên, căn cứ vào lời thừa nhận của ông bà tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 07 tháng 01 năm 2021, cũng như Hợp đồng tín dụng số 2566/2019/701-CV ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1415/2019/701-BĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số: CB 044722 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS 02359/CNTT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 09 tháng 9 năm 2016 cho ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E, phần đất tọa lạc tại thôn 6, xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước do các bên thỏa thuận tự nguyện ký kết, được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc Khánh thì HĐXX có cơ sở để khẳng định:

Hợp đồng tín dụng số 2566/2019/701-CV ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 1415/2019/701-BĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 như đã nêu trên do ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E đã ký kết với Ngân hàng TMCP Nam Á để vay số tiền là 800.000.000 đồng nhằm mục đích để bổ sung vốn trồng trọt chăn nuôi nhằm phục vụ cho cuộc sống của gia đình là có thật. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng xác nhận ông D, bà E từ khi vay cho đến nay chưa trả cho Ngân hàng được một khoản tiền gốc nào. Cho nên, về phía đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 800.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất:

Xét yêu cầu của Ngân hàng về các khoản tiền lãi, HĐXX xét thấy: Ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 4.434.621 đồng tính từ ngày ngày 02 tháng 10 năm 2019 cho đến ngày 21 tháng 10 năm 2019. Cho nên, về phía Ngân hàng yêu cầu ông D, bà E phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng các khoản tiền lãi theo bản chiết tính nợ vay được tính như sau:

Lãi trong hạn: Tính từ ngày 22 tháng 10 năm 2019 (*ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi trong hạn tiếp theo*) đến ngày 02 tháng 10 năm 2020 (*ngày kết thúc hạn trả nợ gốc*) là 11 tháng 11 ngày của khoản tiền vay là 800.000.000 đồng với mức lãi suất là 11,6%/năm. Thành tiền là 93.724.283 đồng.

Lãi quá hạn: Tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2020 (*ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc*) đến ngày 12 tháng 5 năm 2021 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 7 tháng 09 ngày với mức lãi suất quá hạn 17.40 %/năm. Thành tiền là 90.458.630 đồng.

Lãi chậm trả theo thỏa thuận của hợp đồng là 9.731.310 đồng.

Xét thấy, yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 12 tháng 5 năm 2021 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu

cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thoả thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1415/2019/701-BĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Cường đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập theo quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật nên được công nhận. Cụ thể: Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất CB 044722 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS 02359/CNTT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 09 tháng 9 năm 2016 cho ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E có diện tích là 11705,6 m² đất trồng cây lâu năm có tứ cận: Phía bắc giáp thửa 57, 62; Phía nam giáp thửa 389; Phía đông giáp thửa số 9; Phía tây giáp suối. Tọa lạc tại Thôn 6, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Trên phần đất này có 60 nọc tiêu sống trồng năm 2014, 120 cây điều ghép trồng năm 2020, 160 cây sầu riêng trồng năm 2017, 02 cây mít trồng năm 2018 để thu hồi tiền nợ.

[3] Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng số tiền chi phí nêu trên nên ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[4] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 117, 119; 293, 295, 298, 318, 319; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Nam Á về tranh

chấp “hợp đồng tín dụng”.

2. Tuyên xử: Buộc ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Nam Á tổng số tiền là 993.914.223 đồng. Trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn là 93.724.283 đồng, nợ tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 90.458.630 đồng, lãi chậm trả là 9.731.310 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Nam Á có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất CB 044722 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS 02359/CNTT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 09 tháng 9 năm 2016 cho ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E có diện tích là 11705,6 m² đất trồng cây lâu năm có tứ cận: Phía bắc giáp thửa 57, 62; Phía nam giáp thửa 389; Phía đông giáp thửa sổ 9; Phía tây giáp suối. Tọa lạc tại Thôn 6, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Trên phần đất này có 60 nọc tiêu sống trồng năm 2014, 120 cây điều ghép trồng năm 2020, 160 cây sầu riêng trồng năm 2017, 02 cây mít trồng năm 2018 để thu hồi tiền nợ.

Sau khi Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Nam Á có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E giấy tờ về tài sản thế chấp như đã viện dẫn.

3. Buộc bị đơn ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Nam Á số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị E phải chịu án phí là 41.817.427 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Nam Á số tiền tạm ứng án 19.734.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007518 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh